

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỖ VĂN PHU (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN NGỌC THÁI – NGUYỄN MINH TUẤN (đồng Chủ biên)
PHAN ĐÌNH ĐỘ – LÊ HOÀNG NGUYỄN – VÕ THỊ THUYỀN – HÀ TẤN THỌ – HUỖNH TRUNG SƠN

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Lớp



(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Kí hiệu và hướng dẫn sử dụng sách



MỞ ĐẦU

MỞ ĐẦU

Giới thiệu một số nội dung liên quan đến chủ đề, định hướng việc tổ chức các hoạt động học.



KIẾN THỨC MỚI

KIẾN THỨC MỚI

Giải thích, cung cấp thông tin liên quan đến nội dung chủ đề.



LUYỆN TẬP

LUYỆN TẬP

Kiểm tra nhận thức của học sinh.



VẬN DỤNG

VẬN DỤNG

Vận dụng các kiến thức đã học để bày tỏ quan điểm của mình về nội dung qua nhiều hình thức: tham quan thực tế, trò chơi, nêu cảm nghĩ.

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ngãi lớp 6 bao gồm 8 chủ đề thể hiện những nội dung cơ bản của văn hoá địa phương, gắn liền với các hoạt động trải nghiệm cụ thể.

Mục tiêu biên soạn của tài liệu này nhằm trang bị cho học sinh những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... giúp học sinh hiểu biết về nơi mình sinh sống, từ đó giáo dục cho học sinh về đạo đức, lối sống, bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước.

Tài liệu thiết kế theo từng chủ đề với cấu trúc *Mở đầu – Kiến thức mới – Luyện tập – Vận dụng* kết hợp với hình ảnh minh hoạ cụ thể, sống động, giúp học sinh dễ dàng tiếp cận nội dung cuốn tài liệu và thực hành các hoạt động một cách hào hứng, thoải mái, nắm bắt nhanh những thông điệp qua từng nội dung, hoạt động và vận dụng vào thực tế một cách tự nhiên, phù hợp, chính xác.

Ban biên soạn rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy cô giáo, phụ huynh học sinh và bạn đọc để tài liệu đạt chất lượng tốt hơn trong lần tái bản sau.

Trân trọng cảm ơn!

NHÓM TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Chủ đề	NỘI DUNG	Trang
1	Vùng đất, con người Quảng Ngãi từ nguồn gốc đến thế kỉ X	6
2	Địa hình và sông ngòi ở tỉnh Quảng Ngãi	13
3	Hệ sinh thái trên cạn ở Quảng Ngãi	21
4	Danh lam thắng cảnh biển, đảo ở tỉnh Quảng Ngãi	26
5	Sự hình thành và phát triển cộng đồng dân cư ở tỉnh Quảng Ngãi	30
6	Món ăn truyền thống của Quảng Ngãi	34
7	Gìn giữ và phát huy danh lam thắng cảnh ở tỉnh Quảng Ngãi	40
8	Bảo vệ môi trường tự nhiên tỉnh Quảng Ngãi	46

LƯỚI ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH QUẢNG NGÃI



Thực tiễn

Học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Nhận biết được quá trình hình thành và phát triển vùng đất Quảng Ngãi từ nguồn gốc đến thế kỉ X.
- Trình bày được những nét chính về nền văn hoá Sa Huỳnh và văn hoá Chăm-pa ở Quảng Ngãi.
- Hiểu được mối liên kết giữa lịch sử Quảng Ngãi với lịch sử dân tộc.



MỞ ĐẦU

Quảng Ngãi ngày nay là một tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích khoảng 5 135,2 km² trải dài theo hướng bắc nam trong khoảng 100 km, với chiều ngang theo hướng đông tây hơn 60 km. Phía bắc giáp tỉnh Quảng Nam với đường ranh giới chung khoảng 60 km; phía tây giáp các tỉnh Gia Lai, Kon Tum trên chiều dài khoảng 142 km dựa lưng vào dãy Trường Sơn; phía nam giáp tỉnh Bình Định với chiều dài khoảng 70 km; phía đông giáp Biển Đông với chiều dài khoảng 130 km và nhiều cảng biển; trong đó cảng biển Dung Quất mang tầm vóc của một cảng quốc tế.

Theo thư tịch cổ, Quảng Ngãi là một trong những địa bàn cư trú lâu đời của cư dân ven biển miền Trung, đây cũng là nơi giao thoa của các nền văn hoá Sa Huỳnh và văn hoá Chăm-pa, là vùng đất còn lưu giữ nhiều dấu tích của các nền văn hoá cổ xưa.



Hình 1.1. Bình hoa



Hình 1.2. Bát gốm

(Thuộc di chỉ Long Thành, Đức Phổ khai quật năm 1978)



Hình 1.3. Dọi xe chỉ



Hình 1.4. Muỗng rót đồng



Hình 1.5. Riu đồng

(Thuộc di chỉ Bình Châu, Bình Sơn khai quật năm 2002)



Hình 1.6. Khuyên tai ba mấu bằng thủy tinh



Hình 1.7. Khuyên tai bốn mấu bằng đá Nephrit



Hình 1.8.
Đèn gốm



Hình 1.9.
Dao sắt chuôi đồng

(Thuộc di chỉ Phú Khương, Đức Phổ khai quật năm 1923)



Tại sao nói Quảng Ngãi là tỉnh có nền văn hoá lịch sử lâu đời?

1. Văn hoá Sa Huỳnh ở Quảng Ngãi

Văn hoá Sa Huỳnh là một trong ba nền văn hoá cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam (văn hoá Đông Sơn, văn hoá Sa Huỳnh, văn hoá Óc Eo), có niên đại cách ngày nay trên 3 000 năm và được đặt theo tên di chỉ khảo cổ học Sa Huỳnh (thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi) – nơi đầu tiên phát hiện các di vật của nền văn hoá này vào năm 1909.



Hình 1.10. Một góc đầm An Khê (thị xã Đức Phổ), nơi đầu tiên phát hiện di chỉ văn hoá Sa Huỳnh



Hình 1.11. Làng cổ Gò Cỏ bên bờ biển Sa Huỳnh (phường Phổ Thạnh, thị xã Đức Phổ), nơi lưu giữ những dấu tích của văn hoá Sa Huỳnh

Địa bàn của nền văn hoá Sa Huỳnh rộng lớn, bao gồm khu vực miền Trung và Tây Nguyên của Việt Nam. Trong đó, Quảng Ngãi là một trong những tỉnh nằm trong khu vực trung tâm của nền văn hoá Sa Huỳnh. Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, các nhà khảo cổ học đã phát hiện dấu vết của nền văn hoá này tại các di chỉ: Long Thạnh, Phú Khương, Thạnh Đức (thị xã Đức Phổ); Bình Châu, Gò Kim (huyện Bình Sơn); Gò Quánh (huyện Nghĩa Hành); Xóm Ốc, Suối Chình (huyện Lý Sơn),...



Hình 1.12. Lược đồ các di chỉ văn hoá Sa Huỳnh ở tỉnh Quảng Ngãi

Qua các di chỉ khảo cổ học, các nhà nghiên cứu đã khẳng định đặc trưng của văn hoá Sa Huỳnh là hình thức chôn cất người chết trong chum, vò bằng gốm (mộ chum), kèm theo các đồ tùy táng. Qua các di vật sưu tầm được đã cho thấy những nét cơ bản trong đời sống vật chất và tinh thần của cư dân văn hoá Sa Huỳnh. Đó là nhóm người biết trồng trọt, đánh cá ven bờ biển, sử dụng vũ khí, công cụ lao động bằng đá (rìu, cuốc, bàn mài), xương động vật (mũi kim), bằng đồng thau (lao, mũi tên, lưỡi câu, dao găm, mũi giáo,...) và bước đầu biết đến đồ sắt. Ngoài ra, họ còn biết làm đồ gốm, thủy tinh, chế tạo đồ trang sức và sáng tạo nhiều dạng hoa văn độc đáo, đặc biệt là trên đồ gốm.



Hình 1.13. Mộ chum đặc trưng của văn hoá Sa Huỳnh



Hình 1.15. Mộ chum được trưng bày tại Nhà trưng bày văn hoá Sa Huỳnh



Hình 1.14. Đồ gốm khai quật năm 1978 tại di tích Long Thạnh (Đức Phổ)



Hình 1.16. Công cụ sản xuất đồ đá trong di tích Long Thạnh (Đức Phổ)



Hình 1.17. Đồ gốm thuộc văn hoá Sa Huỳnh được khai quật ở Long Thạnh (Đức Phổ)

2. Văn hoá Chăm-pa ở Quảng Ngãi

Từ thế kỉ II – X là thời kì người Chăm làm chủ và lập ra nhà nước độc lập – Vương quốc Chăm-pa ở dải đất ven biển miền Trung. Trong quá trình tồn tại và phát triển, cư dân Chăm đã để lại trên vùng đất Quảng Ngãi nhiều dấu tích của một nền văn hoá phong phú, độc đáo và đặc sắc với nhiều loại hình, trong đó nét nổi bật là đền tháp, thành lũy và các tác phẩm điêu khắc,... phân bố từ đồng bằng ven biển đến vùng đồi núi – trung du.

Thành Châu Sa, phế tích tháp Chánh Lộ là những di tích tiêu biểu, đặc sắc thể hiện tài hoa, trí tuệ và sức sáng tạo của người Chăm trên vùng đất Quảng Ngãi.

Theo các nhà nghiên cứu, thành Châu Sa được xây dựng vào khoảng cuối thế kỉ IX và được Bộ Văn hoá – Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử văn hoá quốc gia vào năm 1994. Thành Châu Sa hiện nay thuộc địa phận các xã Tịnh Châu, Tịnh An, Tịnh Khê, Tịnh Thiện (thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi).

Niên đại xây dựng tháp Chánh Lộ được nhiều nhà nghiên cứu ước đoán vào khoảng thế kỉ X đầu thế kỉ XI, theo thời gian tháp bị huỷ hoại, đổ nát và đến nay đã hoàn toàn không còn dấu vết. Tên tháp gọi theo tên của làng Chánh Lộ thuộc phủ Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi vào thời điểm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, nay là khu vực bệnh viện Sản – Nhi Quảng Ngãi, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi.



Hình 1.18. Di tích thành Châu Sa ở thành phố Quảng Ngãi



Hình 1.19. Phù điêu nữ thần Sarasvati, phát hiện tại tháp Chánh Lộ hiện trưng bày tại bảo tàng Điêu khắc Chăm – Đà Nẵng



1. Quan sát hình 1.14, hãy kể tên những địa phương đã phát hiện di chỉ của nền văn hoá Sa Huỳnh. Từ đó, nhận xét địa bàn phân bố văn hoá Sa Huỳnh ở Quảng Ngãi.
2. Hãy tìm hiểu thêm những dấu tích của văn hoá Chăm-pa còn tồn tại ở tỉnh Quảng Ngãi.



LUYỆN TẬP

1. Trình bày những nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân văn hoá Sa Huỳnh ở tỉnh Quảng Ngãi.
2. Tại sao nói: Quảng Ngãi là cái nôi của nền văn hoá Sa Huỳnh? Theo em, việc tìm hiểu, nghiên cứu về văn hoá Sa Huỳnh có ý nghĩa như thế nào?
3. Miêu tả thành Châu Sa hoặc tháp Chánh Lộ qua những tư liệu mà em được đọc và tìm hiểu.



VẬN DỤNG

1. Nêu vai trò của nền văn hoá Sa Huỳnh, văn hoá Chăm-pa đối với lịch sử phát triển của vùng đất Quảng Ngãi. Theo em, cần làm gì để bảo tồn và phát huy các giá trị của nền văn hoá này?
2. Lập dự án theo nhóm để giới thiệu với bạn bè/ du khách về văn hoá Sa Huỳnh và văn hoá Chăm-pa ở tỉnh Quảng Ngãi.

Thực tiễn

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về địa hình và sông ngòi của tỉnh Quảng Ngãi.
- Xác định được trên lược đồ lưu vực của một số sông lớn chảy trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- Nêu được thể mạnh, hạn chế của các dạng địa hình và sông ngòi ở tỉnh Quảng Ngãi.
- Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tranh ảnh, tài liệu.

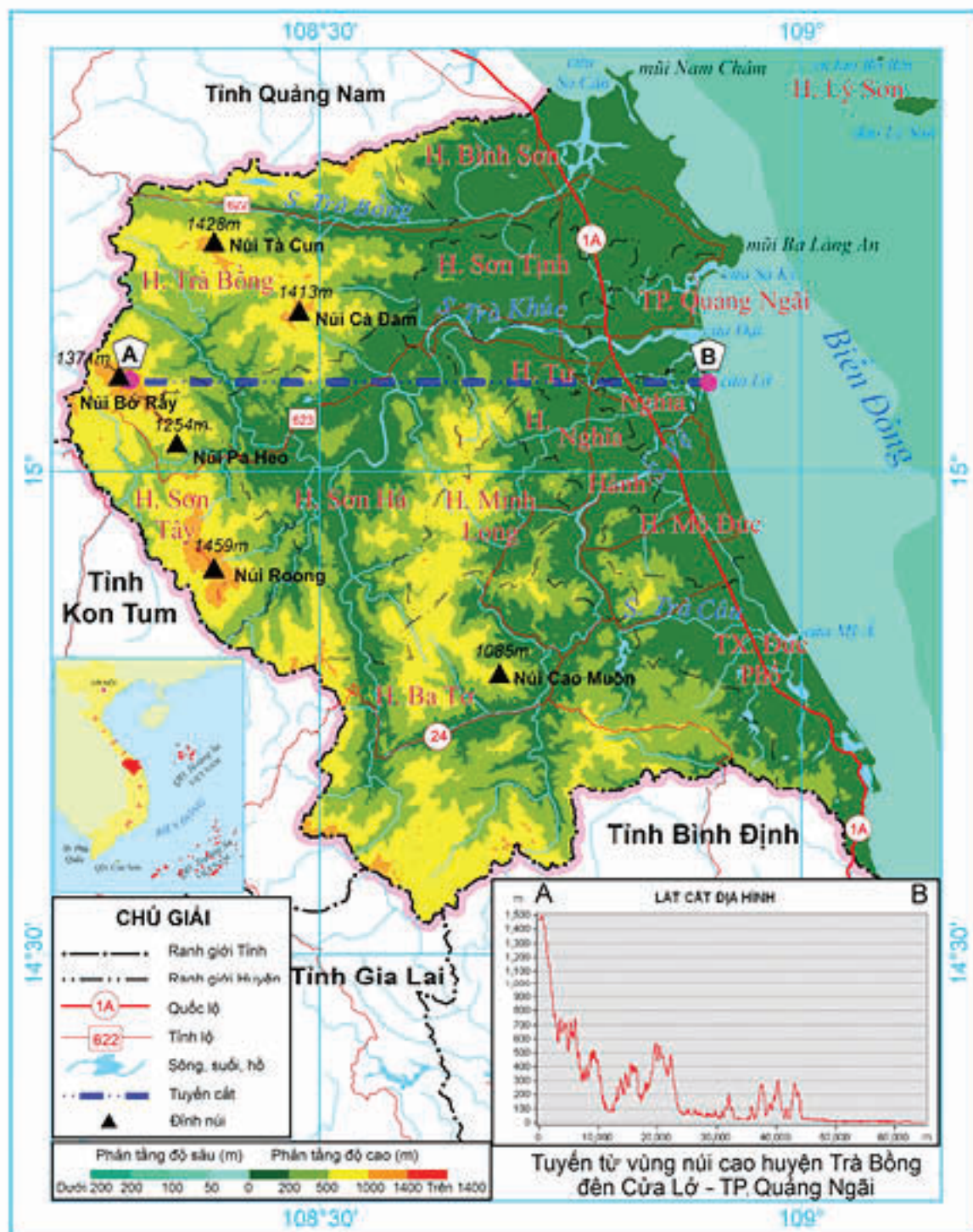


MỞ ĐẦU

Địa hình và sông ngòi là các yếu tố tự nhiên có ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế – xã hội. Quảng Ngãi có địa hình khá đa dạng với các sông ngắn và dốc. Vậy địa hình và sông ngòi có những đặc điểm cụ thể nào? Chúng ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh?



1. Nơi em đang sống thuộc dạng địa hình nào?
2. Kể tên các sông ở tỉnh Quảng Ngãi mà em biết.



Hình 2.1. Lược đồ địa hình tỉnh Quảng Ngãi



1. Đặc điểm địa hình

Địa hình của tỉnh Quảng Ngãi khá đa dạng, có độ cao thấp dần từ tây sang đông, bao gồm bốn dạng địa hình chính: vùng núi, đồi thấp (trung du), đồng bằng và bãi cát ven biển. Địa hình đồi núi chiếm 3/4 diện tích tự nhiên toàn tỉnh, các đồng bằng nhỏ hẹp chỉ chiếm 1/4 diện tích.

a) Vùng núi

Địa hình núi cao tập trung ở phía tây, với nhiều đỉnh núi cao trên 1 000 m. Địa hình núi thấp thường có độ cao từ 400 m – 600 m. Có nhiều nhánh núi đâm ngang ra đồng bằng tạo nên những thung lũng như: thung lũng sông Trà Bồng, sông Trà Khúc, Sông Vệ. Núi tạo thành hình vòng cung, hai đầu nhô ra sát biển ôm lấy đồng bằng.

BẢNG 2.1. MỘT SỐ ĐỈNH NÚI CAO Ở TỈNH QUẢNG NGÃI

Núi	Độ cao (m)	Vị trí
Núi Roong	1 459	Phía đông nam huyện Sơn Tây
Núi Tà Cun	1 428	Phía tây huyện Trà Bồng
Núi Cà Đam	1 413	Phía tây nam huyện Trà Bồng
Núi Bờ Rẫy	1 371	Phía bắc xã Sơn Mùa (huyện Sơn Tây)
Núi Ha Peo	1 254	Phía tây nam xã Sơn Tân (huyện Sơn Tây)
Núi Cao Muôn	1 085	Phía tây nam xã Ba Chùa (huyện Ba Tơ)

(Nguồn: Dữ liệu địa chí tỉnh Quảng Ngãi)



Dựa vào bảng 2.1, hãy nhận xét về sự phân bố một số đỉnh núi cao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Vùng trung du

Nằm chuyển tiếp giữa vùng núi và đồng bằng là vùng đồi thấp (trung du), chiếm 0,3% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, có độ cao trung bình từ 200 m – 300 m. Bề mặt địa hình nhấp nhô có hướng nghiêng chung về phía đông. Đây là vùng được khai phá mạnh mẽ, lớp phủ thực vật nghèo nàn, đất chủ yếu là đất xám bạc màu được dùng để trồng cây công nghiệp ngắn ngày và cây lương thực. Ngoài ra, ở đây còn phát triển chăn nuôi gia súc.

c) Vùng đồng bằng

Đồng bằng nhỏ hẹp thuộc phần hạ lưu của các sông lớn. Càng đi về phía nam đồng bằng càng hẹp lại, chỉ còn là một dải dọc bờ biển. Địa hình bề mặt đồng bằng khá bằng phẳng, nghiêng thoải về phía đông, từ độ cao 200 m xuống 30 m. Đây là khu vực tập trung đông dân cư và phát triển kinh tế – xã hội chính của tỉnh.

d) Bãi cát ven biển

Bãi cát là dải hẹp chạy dọc ven biển, ngăn cách khu vực đồng bằng với vùng biển. Địa hình vùng bãi cát ven biển với các dải cát cao, có nơi lên đến 10 m, rộng vài ki-lô-mét, chạy song song với đường bờ biển, giữ vai trò như những đê chắn sóng tự nhiên, bảo vệ phần đất phía tây các cồn cát. Chạy dọc ven biển (từ Bình Sơn đến Đức Phổ) là các bãi cát bằng phẳng, rộng rãi, tạo nên những bãi tắm tự nhiên có khả năng thu hút khách du lịch như: Khe Hai, Mỹ Khê, Đức Minh, Đức Phong, Sa Huỳnh,...



Dựa vào hình 2.1, hãy xác định các dạng địa hình (vùng núi, đồi thấp, đồng bằng).

2. Đặc điểm sông ngòi

Sông ngòi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi chảy theo hướng từ tây sang đông, phân bố khá đều trên vùng đồng bằng của tỉnh.

Tỉnh Quảng Ngãi có bốn sông lớn: sông Trà Bồng, sông Trà Khúc, Sông Vệ, sông Trà Cầu. Các sông bắt nguồn từ các dãy núi phía tây và đổ ra Biển Đông, sông ngắn và độ dốc tương đối lớn.

BẢNG 2.2. CÁC SÔNG LỚN Ở TỈNH QUẢNG NGÃI

Tên sông	Chiều dài sông (km)	Diện tích lưu vực (km ²)
Sông Trà Bồng	45	697
Sông Trà Khúc	135	3 240
Sông Vệ	90	1 260
Sông Trà Câu	32	442

(Nguồn: Dư địa chí tỉnh Quảng Ngãi)



Dựa vào bảng 2.2, hãy cho biết sông nào có chiều dài và diện tích lưu vực lớn nhất?

Chế độ nước sông theo mùa. Mùa cạn tương ứng với mùa khô, mùa lũ tương ứng với mùa mưa. Mùa cạn kéo dài từ tháng 1 đến tháng 9, mùa lũ bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 12. Vào mùa lũ nước trên các sông dâng cao và chảy mạnh. Lượng nước mùa lũ chiếm khoảng 70% lượng nước cả năm.



Dựa vào hình 2.1, hãy kể tên các cửa sông theo thứ tự từ Bắc vào Nam.



LUYỆN TẬP

1. Trong các nhận định sau đây, hãy cho biết nhận định nào là thế mạnh, nhận định nào là hạn chế của địa hình vùng đồi núi đối với sự phát triển kinh tế – xã hội?

Thứ tự	Nội dung
1	Một số nơi giao thông đi lại còn gặp nhiều khó khăn.
2	Là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc ít người với hoạt động kinh tế chính là nông – lâm nghiệp.
3	Là kho tài nguyên phong phú về lâm sản với nhiều loại gỗ quý.
4	Là nơi cư trú của nhiều loại chim, thú quý có giá trị.
5	Tập trung nguồn tài nguyên khoáng sản.
6	Thích hợp trồng nhiều cây trồng đặc trưng mang lại hiệu quả kinh tế như: cây quế, cây keo, cây chuối, cây gừng gió,...
7	Có điều kiện phát triển các loại hình du lịch như tham quan, nghỉ dưỡng,... nhất là du lịch sinh thái.
8	Mùa mưa thường xảy ra sạt lở đất, nước sông, suối chảy xiết, lũ quét.
9	Trồng cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày.

2. Nêu một số thế mạnh và hạn chế của địa hình đồng bằng.

3. Dựa vào các hình ảnh sau đây, hãy nêu những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của các dòng sông.



Hình 2.2. Nuôi cá lồng ở thượng nguồn sông Trà Khúc



Hình 2.3. Núi Ấn – Sông Trà



Hình 2.4. Công trình thủy lợi Thạch Nham đầu nguồn sông Trà Khúc



Hình 2.5. Lũ lụt nước dâng cao trên dòng Sông Vệ



Hình 2.6. Thủy điện Sơn Trà



Hình 2.7. Ngập lụt gây thiệt hại nhà cửa, ruộng đồng



1. Em hãy sưu tầm hình ảnh, tư liệu cho nội dung dưới đây:

“Vùng núi Cà Đam ở xã Trà Bùi, huyện Trà Bồng nằm ở độ cao 1 400 m so với mực nước biển, có nhiều cảnh quan thiên nhiên rất đẹp, khí hậu quanh năm mát mẻ. Vì thế, chính quyền và người dân nơi đây đang ấp ủ giấc mơ đánh thức vùng núi này để phát triển du lịch. Với những gì đang có, núi Cà Đam thật sự là một “viên ngọc thô” đang chờ mài giũa để sáng hơn”.

(Nguồn: Baoquangngai.vn)



Hình 2.8. Vẻ đẹp hoang sơ của vùng núi Cà Đam

2. Hãy cho biết một số hoạt động của con người gây ô nhiễm nguồn nước sông ngòi. Nêu một số biện pháp sử dụng hợp lý và bảo vệ nguồn nước sông.

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Nêu được một số đặc điểm khái quát về tính đa dạng sinh học trên cạn của tỉnh Quảng Ngãi.
- Liệt kê được hệ sinh thái động vật, thực vật trên cạn tiêu biểu ở Quảng Ngãi.
- Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về một số loài động vật, thực vật trên cạn tại địa phương.



MỞ ĐẦU

Với địa hình đa dạng, khí hậu nhiệt đới gió mùa, Quảng Ngãi có hệ động, thực vật phong phú, đa dạng; là nguồn tài nguyên quý báu cần bảo tồn, phát huy và khai thác.



Hình 3.1. Rừng quế, huyện Trà Bồng



1. Địa hình Quảng Ngãi có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển và phân bố của động vật, thực vật?
2. Kể tên các loài động vật, thực vật sống trên cạn ở Quảng Ngãi mà em biết.

1. Các hệ sinh thái trên cạn

Hệ sinh thái tự nhiên trên cạn của tỉnh Quảng Ngãi chủ yếu tập trung vào nhóm hệ sinh thái rừng, bao gồm: hệ sinh thái rừng vùng đồng bằng, hệ sinh thái rừng vùng trung du và hệ sinh thái rừng vùng núi.

a) Hệ sinh thái rừng vùng đồng bằng

Vùng đồng bằng của tỉnh Quảng Ngãi không lớn, chủ yếu do lưu vực hệ thống sông Trà Bồng, Trà Khúc, Sông Vệ và Trà Câu bồi đắp hằng năm. Trong đó, Rừng Nà thuộc xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức là khu vực còn giữ được những giá trị quan trọng về đa dạng sinh học đối với một hệ sinh thái tự nhiên, khoảng 17 ha với 52 loài thực vật tự nhiên, 123 loài động vật có xương sống.



Hình 3.2. Rừng Nà tại xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức

b) Hệ sinh thái rừng vùng trung du

Vùng trung du của tỉnh Quảng Ngãi phân bố chủ yếu ở rìa phía tây, tây bắc, tây nam của các huyện như: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức và thị xã Đức Phổ. Khu vực rừng vùng núi thuộc xã Hành Tín Đông (huyện Nghĩa Hành) đã ghi nhận sơ bộ 459 loài thực vật, 403 loài động vật.

c) Hệ sinh thái rừng vùng núi

Hệ thực vật rừng với hơn 600 loài thực vật bậc cao. Khu hệ động vật có giá trị bảo tồn cao với nhiều loài thú quan trọng như: voọc chà vá chân xám, vượn Trung Bộ,... hệ động vật có hơn 100 loài quý hiếm được liệt kê trong sách đỏ Việt Nam và 46 loài được liệt kê trong danh mục của Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) tại vùng núi Cao Muôn và núi Cà Đam.

2. Thảm thực vật rừng trên cạn

Với cấu trúc phức tạp của địa hình, sự đa dạng của thổ nhưỡng và những thuận lợi của đặc điểm khí hậu là những điều kiện tạo nên sự phong phú và đa dạng của thảm thực vật rừng ở Quảng Ngãi. Rừng tự nhiên của Quảng Ngãi tuy diện tích không nhiều nhưng vẫn đa dạng về kiểu rừng và phong phú về loài cây. Trong rừng có nhiều loài gỗ quý như: gụ mật, gỗ đỏ, chò chỉ, xoay, xoan mộc, lim xanh, trầm hương, sến trung,...; các loại cây dược liệu quý như: sa nhân tím, hà thủ ô, mangan, sâm bầy lá một hoa,...

3. Khu hệ động vật trên cạn

Nhìn chung, khu hệ động vật của Quảng Ngãi khá phong phú, đặc trưng cho vùng đa dạng sinh học khu vực Nam Trung Bộ. Trong toàn tỉnh, khu hệ động vật đã biết với 1 086 loài động vật trên cạn gồm có thú, chim, bò sát, lưỡng cư và côn trùng. Trong đó, có 121 loài thú, 308 loài chim, 83 loài bò sát, 56 loài lưỡng cư và 521 loài côn trùng.

(Nguồn: Quy hoạch đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và định hướng đến 2030).



Hình 3.3. Voọc chà vá chân xám quý hiếm tại huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi



1. Chứng minh tính đa dạng của hệ sinh thái thực vật, động vật trên cạn ở tỉnh Quảng Ngãi thông qua nhiều hình thức: lập bảng, sơ đồ, sưu tầm tranh ảnh, bài viết,...
2. Chia sẻ với người khác về vai trò của đa dạng sinh học.



LUYỆN TẬP

1. Thi nhanh: Liệt kê các loài động vật, thực vật trên cạn tại địa phương nơi em đang sống.
2. Sắp xếp các ô thông tin cho phù hợp với tác động của con người lên đa dạng sinh học.

Mua, bán, vận chuyển
lâm sản trái pháp luật

Xây dựng các khu bảo
tồn đa dạng sinh học

Ngăn chặn phá rừng

Khai thác gỗ vườn, gỗ rừng trồng của các hộ gia đình,
cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp chưa được kiểm soát

Tập quán sinh hoạt của người
dân như đốt rừng làm nương rẫy

Khai thác nguồn lợi
sinh vật quá mức

Hạn chế việc khai thác
bừa bãi các loài động,
thực vật quý hiếm

Tuyên truyền rộng rãi để
cùng nhau bảo vệ rừng



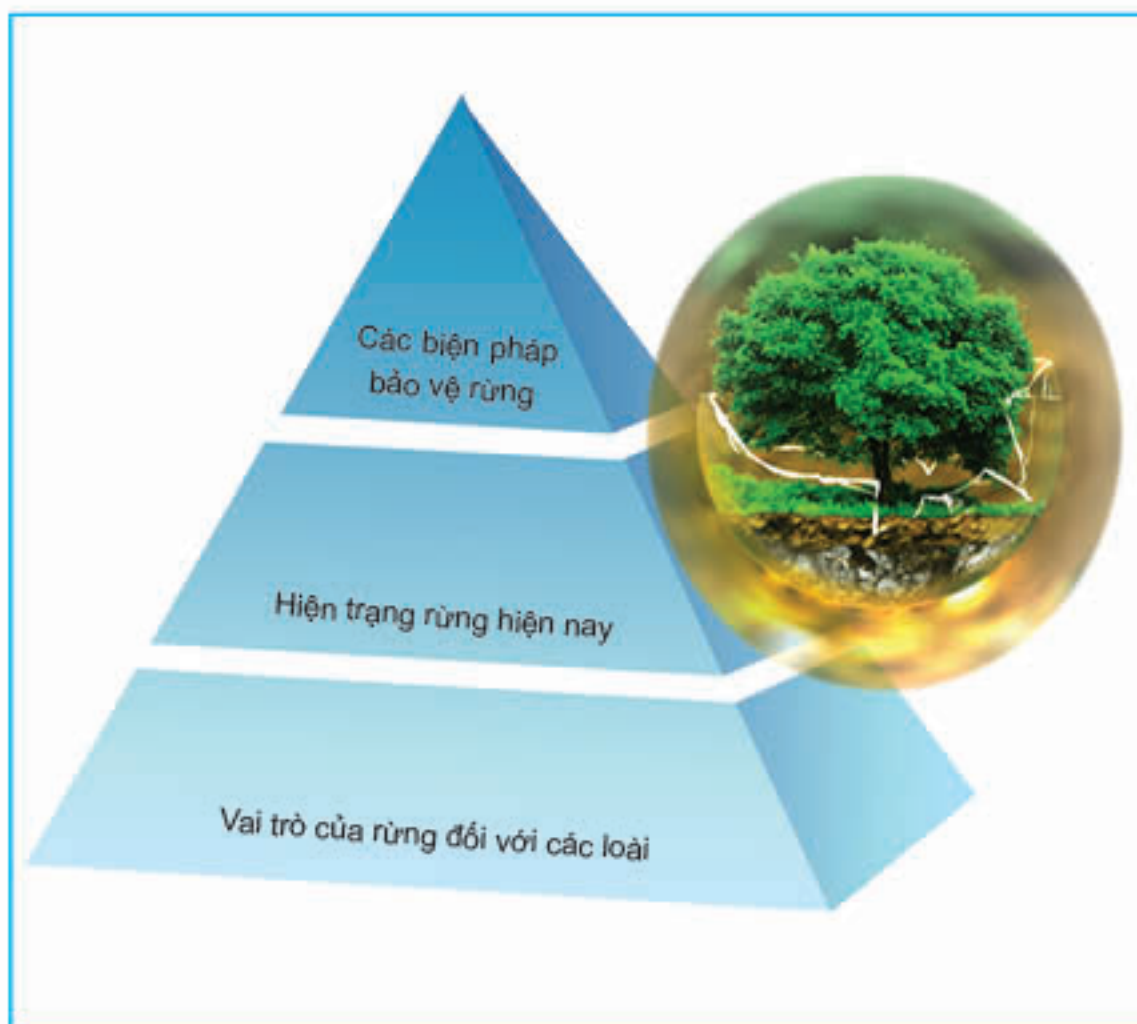
3. Ngoài những tác động nêu trong câu 2, hãy kể thêm những tác động khác của con người lên đa dạng sinh học.



VẬN DỤNG

1. Em có đồng ý với nhận định sau không? Vì sao?

“Hiện nay, rừng không còn là ngôi nhà bình yên cho tất cả các loài.”



2. Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh và giới thiệu về hệ sinh thái động – thực vật nơi em sinh sống.

Thực tiễn

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Biết và kể tên được một số danh lam thắng cảnh tiêu biểu thuộc khu vực biển, đảo của tỉnh Quảng Ngãi.
- Có hành động thiết thực để bảo tồn và phát huy giá trị của những danh lam thắng cảnh biển, đảo.
- Giới thiệu những cảnh đẹp tiêu biểu thuộc khu vực biển, đảo cho bạn bè và người thân.



MỞ ĐẦU

Cùng với đảo Lý Sơn, dọc theo chiều dài bờ biển tỉnh Quảng Ngãi có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan như: biển Khe Hai, mũi Ba Làng An, biển Mỹ Khê, biển Sa Huỳnh,...



Hình 4.1. Đảo Lý Sơn



Hình 4.2. Mũi Ba Làng An



Hình 4.3. Biển Mỹ Khê



Hãy kể tên những danh lam thắng cảnh tiêu biểu thuộc biển, đảo của tỉnh Quảng Ngãi mà em biết.



1. Đảo Lý Sơn

Lý Sơn là huyện đảo duy nhất của tỉnh Quảng Ngãi, còn có tên gọi khác là Cù Lao Ré. Đảo Lý Sơn ẩn chứa nhiều điều bí ẩn về một hòn đảo được hình thành từ sự phun trào của núi lửa và được khai phá vào thế kỉ XVI. Đảo Lý Sơn không chỉ được mệnh danh là vương quốc của tỏi mà còn nổi tiếng nhờ vào cảnh biển đẹp hoang sơ và thơ mộng.



Hình 4.4. Cổng Tò Vò ở đảo Lý Sơn

Đảo Lý Sơn có nhiều di tích được công nhận là di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh và nhiều danh lam thắng cảnh. Tuy diện tích đảo khá nhỏ nhưng trên đảo có tới gần 100 di tích với một quần thể các đền, chùa, những ngôi mộ gió của các chiến binh thuộc đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải đi biển giữ gìn chủ quyền biển đảo quốc gia.

Cho đến nay, hầu hết các di tích vẫn còn nguyên vẹn, ít bị xâm hại. Khi đến với Lý Sơn, du khách có thể đến thăm đình làng An Vĩnh, đình làng An Hải, Chùa Hang, Chùa Đục, quần thể di tích Âm Linh Tự, nhà trưng bày đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải,...

Với những yếu tố độc đáo về địa hình, cảnh quan, văn hoá và nền ẩm thực đặc sắc, đảo Lý Sơn xứng đáng là điểm sáng nên có trong bản đồ du lịch của mỗi du khách.

2. Bãi biển Mỹ Khê

Bãi biển Mỹ Khê trải dài từ xã Tịnh Kỳ đến Cửa Đại – nơi cuối dòng Sông Trà chảy ra biển. Bãi biển Mỹ Khê cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi khoảng 15 km về hướng đông – đông bắc, đây là bãi tắm lí tưởng với không gian rộng, bãi cát mịn, độ dốc thoải. Du khách đến đây sẽ cảm thấy yên tĩnh, thanh bình của một bờ biển trong xanh và tuyệt đẹp.



Hình 4.5. Rừng dừa nước xã Tịnh Khê

Ngoài việc nghỉ ngơi, tắm biển và hít thở bầu không khí trong lành, du khách còn thưởng thức những món ăn ngon mang đậm hương vị địa phương như bánh xèo tôm, bắp nướng và các loại hải sản đa dạng, phong phú của vùng biển này.

Đến đây, du khách còn có thể tham quan khu chứng tích Sơn Mỹ (cách biển Mỹ Khê 3 km về phía tây bắc); tham quan dòng Kinh Giang với rừng dừa nước thơ mộng ở thôn Cổ Lũy (bên cạnh bãi biển) và ngược lên phía tây nam khoảng 3 km là Khu văn hoá Thiên Mã. Đứng ở nơi đây, du khách có thể ngắm nhìn cầu Cổ Lũy cùng vẻ đẹp của dòng Sông Trà.



Hình 4.6. Bãi biển Mỹ Khê

3. Mũi Ba Làng An

Mũi Ba Làng An là một mũi đất thuộc xã Bình Châu, huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi. Tên gọi Ba Làng An bắt nguồn từ tên ba ngôi làng tên An là An Vĩnh, An Kỳ (nay thuộc xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi) và An Hải (nay thuộc xã Bình Châu, huyện Bình Sơn). Một bộ phận cư dân Ba Làng An là những người đã khai hoang trên đảo Lý Sơn, đồng thời cũng là những người trực tiếp tham gia vào đội Hoàng Sa bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Mũi Ba Làng An được tạo thành bởi những vách đá trầm tích của núi lửa có hình cánh cung nép mình bên bờ biển; bên dưới là những gò đá đen, hiện ra khi thủy triều rút xuống. Danh thắng này được nhiều người ví von là “Lý Sơn trong đất liền”, mang nhiều giá trị lớn về cảnh quan, địa chất, lịch sử và văn hoá.



Hình 4.7. Trạm đèn biển Ba Làng An

Trong khu vực Ba Làng An có trạm đèn biển được đưa vào sử dụng năm 1982 với dạng hình trụ tròn cao 36,4 m, tầm nhìn 17 hải lí. Ngoài chức năng giúp tàu thuyền định vị, nơi đây còn là địa điểm cho du khách tham quan, chiêm ngưỡng trọn vẹn vẻ đẹp của mũi Ba Làng An và phóng tầm nhìn ra đảo Lý Sơn.

Gần mũi biển Ba Làng An còn có một miệng núi lửa rộng khoảng 30 m², bên trong miệng núi lửa có nhiều rong biển, bên ngoài có những rạn san hô đầy sắc màu rực rỡ, ẩn hiện trên các phiến đá trầm tích. Tất cả kết hợp lại một cách hài hoà, tạo nên vẻ đẹp độc đáo mà ít nơi nào ở Quảng Ngãi có được.



1. Hãy chọn một danh lam thắng cảnh tiêu biểu thuộc khu vực biển, đảo của tỉnh Quảng Ngãi và giới thiệu ngắn gọn với du khách về danh lam thắng cảnh đó.
2. Theo em danh lam thắng cảnh biển, đảo có vai trò như thế nào đối với cộng đồng dân cư sinh sống?



LUYỆN TẬP

1. Tại sao: Mũi Ba Làng An được ví như “Lý Sơn trong đất liền”?
2. Hãy xác định những giá trị về kinh tế, văn hoá, du lịch của những danh lam thắng cảnh tiêu biểu sau đây:

Tên danh lam thắng cảnh	Kinh tế	Văn hoá	Du lịch
Đảo Lý Sơn			
Biển Mỹ Khê			
Mũi Ba Làng An			

3. Theo em, cần làm gì để gìn giữ và phát huy giá trị của những danh lam thắng cảnh biển, đảo tiêu biểu ở tỉnh Quảng Ngãi hiện nay?



VẬN DỤNG

1. Tham quan một danh lam thắng cảnh biển, đảo ở tỉnh Quảng Ngãi và viết một đoạn văn nói về vẻ đẹp của nơi đó.
2. Hãy giới thiệu với du khách về một danh lam thắng cảnh biển, đảo ở tỉnh Quảng Ngãi mà em thích nhất.

SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ Ở TỈNH QUẢNG NGÃI

Thực hiện

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Nêu được sự hình thành và phát triển cộng đồng dân cư ở tỉnh Quảng Ngãi.
- Trình bày được một số thông tin về cư dân thành thị, nông thôn.
- Liên hệ với các cộng đồng dân cư tại địa phương.



MỞ ĐẦU

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, đến nay trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có bốn dân tộc chủ yếu sinh sống, bao gồm: dân tộc Kinh, Hrê, Co, Ca Dong (Xơ Đăng).



Hình 5.1. Lễ hội đua thuyền của người Kinh



Hình 5.2. Sinh hoạt cộng đồng người Ca Dong



Hình 5.3. Người Hrê dệt thổ cẩm



Hình 5.4. Đấu chiêng trong lễ hội của người Co



Quan sát những hình ảnh trên, em hãy nêu hiểu biết của mình về những nét văn hoá đặc trưng của các dân tộc Kinh, Hrê, Co, Ca Dong (Xơ Đăng).



1. Sự hình thành cộng đồng dân cư

Tỉnh Quảng Ngãi là địa bàn cư trú lâu đời của cư dân ven biển miền Trung, hiện nay còn giữ lại nhiều vết tích của nền văn hoá cổ xưa, tiêu biểu là văn hoá Sa Huỳnh.

Từ thế kỉ XV trở đi, cộng đồng người Kinh bắt đầu hiện diện ở Quảng Ngãi và có gốc tích chủ yếu ở vùng Thanh, Nghệ, Tĩnh vào định cư, khai khẩn và xây dựng quê hương.

Cộng đồng dân tộc thiểu số (Hrê, Co, Ca Dong) là các cộng đồng cư dân bản địa.

Trải qua những thăng trầm của lịch sử, các cộng đồng dân cư ở tỉnh Quảng Ngãi có truyền thống đoàn kết, cần cù lao động, yêu nước, phát huy truyền thống sản xuất, văn hóa tạo nên sức mạnh, góp phần phát triển kinh tế – xã hội.

2. Thành phần dân tộc

Ở vùng đồi núi tỉnh Quảng Ngãi chủ yếu là các dân tộc Hrê, Co, Ca Dong sinh sống. Vùng đồng bằng chủ yếu người Kinh sinh sống.

Theo số liệu thống kê tính đến 01/4/2019, số dân của tỉnh Quảng Ngãi là 1 231 697 người. Trong đó dân tộc Kinh là 1 044 607 người (chiếm 84,8%), dân tộc Hrê là 133 103 người (chiếm 10,8%), dân tộc Co là 33 227 người (chiếm 2,7%), dân tộc Ca Dong là 19 690 người (chiếm 1,6%) và các dân tộc khác chiếm 0,1% số dân của tỉnh.

Địa bàn cư trú của các dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Ngãi: dân tộc Hrê cư trú ở các huyện Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ; dân tộc Co cư trú ở huyện Trà Bồng; dân tộc Ca Dong cư trú chủ yếu ở huyện Sơn Tây, số còn lại cư trú ở huyện Trà Bồng, huyện Sơn Hà.

Các dân tộc này là cư dân bản địa lâu đời, sống đan xen, có sự giao lưu, buôn bán với nhau và với người Kinh ở miền xuôi lên buôn bán, khai khẩn. Từ sau năm 1975, có một ít các dân tộc thiểu số ở miền núi phía bắc vào, song chỉ là đơn lẻ và sống hoà nhập vào các cộng đồng địa phương.

3. Sự phân bố dân cư

Mật độ dân số trung bình ở tỉnh Quảng Ngãi là 239 người/km² (năm 2019).

Sự phân bố dân cư của tỉnh Quảng Ngãi không đồng đều giữa đồng bằng và miền núi; giữa thành thị và nông thôn.

**BẢNG 5.1. MẬT ĐỘ DÂN SỐ MỘT SỐ KHU VỰC/
ĐỊA BÀN CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI, NĂM 2019**

Khu vực/ Địa bàn	Đồng bằng	Miền núi	Thành phố Quảng Ngãi	Huyện Lý Sơn
Mật độ dân số (người/km ²)	318	71	1 662	1 784

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2020)

**BẢNG 5.2. CƠ CẤU DÂN SỐ PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN
Ở TỈNH QUẢNG NGÃI**

Năm	Thành thị (%)	Nông thôn (%)
1999	11,5	88,5
2009	14,6	85,4
2019	16,3	83,7

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi, năm 2020)



1. Nơi em ở có những dân tộc nào sinh sống?
2. Nêu một số hoạt động sản xuất chủ yếu của các dân tộc ở địa phương em.
3. Nhận xét về sự phân bố dân cư ở một số khu vực của tỉnh Quảng Ngãi.



LUYỆN TẬP

Em hãy nêu đặc điểm sinh hoạt và cư trú của các cộng đồng dân tộc qua một số hình ảnh sau:



Hình 5.5. Sinh hoạt cộng đồng của người Hre



Hình 5.6. Đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi



Hình 5.7. Hát dân ca truyền thống của người Ca Dong



Hình 5.8. Một làng đồng bào Co ở Trà Lâm, huyện Trà Bồng



VẬN DỤNG

1. Kể về một lễ hội truyền thống của các dân tộc ở tỉnh Quảng Ngãi mà em biết.
2. Hãy nêu những điểm khác biệt trong sinh hoạt hằng ngày của các dân tộc ở tỉnh Quảng Ngãi.

Thực tiễn

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Trình bày được các bước thực hiện một số món ăn truyền thống ở địa phương.
- Giới thiệu được một số món ăn truyền thống của địa phương với người thân và cộng đồng.



MỞ ĐẦU

Từ xưa đến nay, người dân Quảng Ngãi luôn biết tận dụng những sản vật sẵn có tại địa phương để chế biến những món ăn ngon, trở thành đặc sản của quê hương. Có thể kể đến những món ăn và các đặc sản như: don, cá bống Sông Trà kho tiêu, mắm nhum, đường phèn, mạch nha, kẹo gương,...



Hình 6.1. Cá bống kho tiêu



Hình 6.2. Đường phèn



1. Suy tầm ca dao/ thơ nói về những món ăn đặc sản ở Quảng Ngãi.
2. Giới thiệu với bạn bè về món ăn đó.

1. Món Don

Don là món ăn truyền thống, đặc biệt chỉ có ở Quảng Ngãi. Món ăn này được chế biến từ con don (một loài nhuyễn thể, vỏ có hai mảnh hình dẹt và dài chỉ hơn 1 cm). Don thường sinh trưởng ở vùng cửa sông (chủ yếu ở Sông Trà và Sông Vệ). Don có thể chế biến thành nhiều món. Hiện nay, món ăn này nổi tiếng ở các vùng Nghĩa Phú, Nghĩa Hoà, Nghĩa Hiệp,... Với hương vị đặc trưng, don trở thành món ăn để nhớ, để thương của người dân xứ Quảng và du khách.



Hình 6.3. Con don



Hình 6.4. Tô don

Cách chế biến món don:

- Nguyên liệu: don, bánh tráng, hành lá, hành tây (củ), ớt xiêm, nước mắm cốt,...
- Các bước thực hiện:
 - + Bước 1: Don đem rửa sạch và ngâm vào nước vo gạo khoảng 4 giờ để nhả hết bùn, cát. Sau đó, xả lại nhiều lần với nước trong, để ráo.
 - + Bước 2: Luộc don theo tỉ lệ một chén don, hai chén nước. Nước đun sôi, sau đó đổ don vào để don há miệng; dùng đũa khuấy đều để ruột don rời khỏi vỏ, đổ don vào rổ có chậu phía dưới để hứng lấy nước. Nước này để lắng cặn, gạn lấy phần trong, chế biến thành nước dùng. Sau đó, tiếp tục đãi don trong nước sạch để tách hết ruột don ra khỏi vỏ.
 - + Bước 3: Cho ruột don vào nước don đã được nêm nếm gia vị. Khi ăn, múc ra tô, cho thêm củ hành tây thái mỏng và hành lá. Khi ăn don phải kèm với bánh tráng sống hoặc chín tùy theo sở thích (có thể thêm ớt để tăng vị cay nồng).

2. Món cá bống Sông Trà kho tiêu

Ca dao Quảng Ngãi có câu: “Anh ơi anh nhớ quê nhà/ Nhớ con cá bống Sông Trà kho tiêu”. Câu ca ấy gợi nhắc đến món ăn đặc sản và là niềm tự hào của người dân Quảng Ngãi: cá bống Sông Trà kho tiêu. Món ăn này được chế biến từ loại cá bống cát được đánh bắt từ sông Trà Khúc. Từ lâu, cá bống Sông Trà kho tiêu đã trở thành thông điệp về văn hoá ẩm thực của quê hương Núi Ấn – Sông Trà.



Hình 6.5. Cá bống kho tiêu

Cách chế biến:

- Nguyên liệu: cá bống cát, nước mắm, đường, tỏi Lý Sơn, tiêu, ớt, dầu ăn,...
- Các bước thực hiện:
 - + Bước 1: Cá bống tươi đem chà cho sạch vảy, sau đó rửa qua nước nhiều lần và để thật ráo.
 - + Bước 2: Ướp cá bống với nước mắm ngon, đường, tỏi, tiêu, ớt, dầu ăn,... để cá ngấm đều với gia vị.
 - + Bước 3: Cho lên bếp, rim (kho) từ từ với mức lửa rất nhỏ cho đến khi cá chuyển sang màu vàng và săn lại là đem dùng.

3. Đường phèn

Đường phèn là một trong những đặc sản rất riêng của vùng đất Quảng Ngãi – nơi nổi tiếng của nghề trồng mía và làm đường. Đường phèn có vị ngọt thanh, giải nhiệt, được dùng như một gia vị trong chế biến các món ăn và nước uống. Ngoài ra, đường phèn còn có tác dụng hỗ trợ điều trị một số loại bệnh và tốt cho sức khoẻ con người.



Hình 6.6. Đường phèn

Cách chế biến:

– Nguyên liệu: đường mía nguyên chất (đường mật mía), nước sạch, nước vôi để tinh lọc đường, trứng gà để làm sạch đường và tạo mùi thơm, dầu phụng,...

– Các bước thực hiện:

- + Bước 1: Lấy đường mía nguyên chất cho hoà tan hoàn toàn với nước sạch theo một tỉ lệ phù hợp: 3 đường 2 nước (nước lã hoà vôi ăn trầu) để đánh tan đường.
- + Bước 2: Cho nước đường sau khi hoà tan vào trong chảo lớn để nấu. Khi nước đường sôi, cho trứng gà đã đánh tan vào để loại bỏ những tạp chất, đồng thời cũng nhằm tạo ra mùi hương đặc trưng của thành phẩm đường; cho vài muỗng dầu phụng để nước đường không trào ra ngoài.
- + Bước 3: Khi thấy đường có dấu hiệu đủ già (có bọt trắng), đem ra lọc bằng những tấm vải căng trên chảo. Sau đó, tiếp tục nấu cô đặc. Đường nấu tốt sẽ có tiếng sôi nghe reo giòn.
- + Bước 4: Sau khi đạt đến độ cô đặc cần thiết, đường được đổ vào chum (vại) có sẵn những sợi chỉ buộc vào hai tấm phên nhỏ đặt trong chum. Đường sẽ kết tinh và đóng khối vào những sợi chỉ. Sau 7 đến 9 ngày, nghiêng chum để chảy mật ra hết. Phần còn lại là đường phên đã kết tinh thành những tinh thể đường gồ ghề như những thỏi thạch anh với nhiều hạt đường hình lập thể. Đường được mang đi phơi khô trước khi đóng gói tới tay người tiêu dùng.



Tìm hiểu cách chế biến một món ăn đặc sản ở Quảng Ngãi mà em thích và chia sẻ với bạn em về cách chế biến món ăn đó.



LUYỆN TẬP

1. Những món ăn nào dưới đây là món ăn đặc trưng của Quảng Ngãi? Hãy cùng thảo luận với bạn về các nguyên liệu và cách chế biến các món ăn đó.



Hình 6.7. Gỏi bông bông



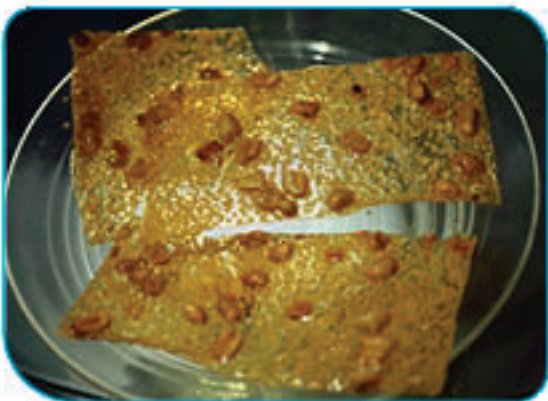
Hình 6.8. Đường phở



Hình 6.9. Mắm nhum



Hình 6.10. Mịch nha



Hình 6.11. Kẹo gương



Hình 6.12. Kẹo Cu-đơ

2. So sánh kẹo gương và mạch nha:

- Gợi ý: – Em hãy thu thập thông tin về những nguyên liệu cần thiết để chế biến kẹo gương và mạch nha.
– Cách chế biến kẹo gương và mạch nha có gì khác nhau?



Hình 6.13. Nguyên liệu chế biến kẹo gương



Hình 6.14. Nguyên liệu chế biến mạch nha



VẬN DỤNG

1. Hãy cùng người thân trong gia đình làm một món ăn đặc sản ở Quảng Ngãi mà em thích.
2. Viết một đoạn văn (khoảng 10 câu) giới thiệu với khách du lịch một món ăn nổi tiếng ở Quảng Ngãi mà em thích nhất.

Thực tiễn

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Kể tên và giới thiệu sơ lược một số danh lam thắng cảnh tiêu biểu ở Quảng Ngãi.
- Có ý thức gìn giữ và cách ứng xử phù hợp với danh lam thắng cảnh.
- Có hành động thiết thực để bảo vệ cảnh quan môi trường của danh lam thắng cảnh.
- Tuyên truyền cho bạn bè, gia đình và cộng đồng cùng tham gia gìn giữ, phát huy giá trị của danh lam thắng cảnh.



MỞ ĐẦU

Quảng Ngãi được thiên nhiên ưu đãi nhiều cảnh đẹp, tạo nên bức tranh sinh động của biển xanh, đồi núi, với nhiều danh lam thắng cảnh: Đảo Bé, Cống Tò Vò, Giếng Tiên, núi lửa Thới Lới và Hòn Tai (Lý Sơn); mũi Ba Làng An, mũi Tổng Bình, Gành Yến (Bình Sơn), bãi biển Mỹ Khê (thành phố Quảng Ngãi), bãi



Hình 7.1. Chùa Hang, Lý Sơn

biển Sa Huỳnh (Đức Phổ), núi Cà Đam (Trà Bồng),... Đặc biệt như: núi Thiên Ân, núi Phú Thọ và Cổ Luỹ cô thôn (thành phố Quảng Ngãi), Chùa Hang (Lý Sơn),... Với nhiệm vụ quan trọng vừa bảo vệ giá trị danh thắng cho đời sau, đồng thời vừa phát huy tiềm năng, lợi thế trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội. Tỉnh Quảng Ngãi lựa chọn hướng phát triển bền vững, hướng tới du lịch sinh thái bảo tồn và phát triển di tích thắng cảnh thiên nhiên.



Hình 7.2. Thôn Cổ Lũy



Hình 7.3. Cổng Tam quan núi Phú Thọ



Hình 7.4. Núi Thiên Ân – sông Trà Khúc



1. Hãy sưu tầm thêm thông tin, hình ảnh về các danh lam thắng cảnh tại nơi em ở hoặc các địa phương khác của tỉnh Quảng Ngãi.
2. Vì sao chúng ta cần gìn giữ và phát huy danh lam thắng cảnh?

1. Núi Thiên Ấn

Núi Thiên Ấn nằm giữa đồng bằng, phía bắc sông Trà Khúc thuộc thành phố Quảng Ngãi. Núi Thiên Ấn cao hơn 100 m, dáng núi hình thang cân, nhìn từ hữu ngạn Sông Trà, giống như chiếc ấn của trời đóng xuống dòng sông, vì vậy người xưa gọi đây là “Thiên Ấn niêm hà” (ấn trời đóng trên sông). Núi Thiên Ấn – chùa Thiên Ấn – mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng đã được Bộ Văn hoá – Thông tin (nay là Bộ Văn hoá – Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử văn hoá cấp Quốc gia. Núi Thiên Ấn được bảo tồn nguyên vẹn, giữ gìn giá trị truyền thống của tỉnh và hướng đến là điểm tham quan danh lam thắng cảnh.



Hình 7.5. Núi Ấn – Sông Trà

2. Cổ Lũy cô thôn, vẻ đẹp hiếm có

Thôn Cổ Lũy thuộc xã Nghĩa Phú, thành phố Quảng Ngãi, nằm cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi khoảng 10 km về hướng Đông. Từ xưa, nơi này đã được xem là một trong những thắng cảnh của Quảng Ngãi.

Cổ Lũy cô thôn nổi tiếng gắn liền với núi và sông Phú Thọ. Đứng từ đỉnh núi Phú Thọ nhìn xuống, Cổ Lũy cô thôn giống như một bức tranh phong cảnh nhiều màu sắc: hàng dừa xanh nổi bật trên nền cát vàng lấp lánh



Hình 7.6. Cổ Lũy cô thôn nhìn từ núi Phú Thọ

dưới ánh nắng; sóng biển trắng xoá hoà lẫn với sắc xanh êm dịu phản chiếu từ bầu trời. Tất cả những sắc màu ấy đã làm cho Cổ Lũy cô thôn đẹp mơ màng và quyến rũ. Từ xưa, núi Phú Thọ và Cổ Lũy cô thôn được xem là một trong những thắng cảnh của Quảng Ngãi.

3. Hang Câu (Lý Sơn)

Hang Câu thuộc huyện Lý Sơn, nằm dưới chân núi Thới Lới, tiếp liền với Chùa Hang, kéo dài về phía đông tiếp giáp biển. Hang Câu được hình thành do nước biển ăn vào chân núi Thới Lới trong thời kì biển tiến, cách đây khoảng 4 500 năm.

Hang Câu là một tuyệt phẩm thiên nhiên ban tặng cho huyện đảo Lý Sơn, với khung cảnh hùng vĩ, hoang sơ, độc đáo. Bên vực núi cao sừng sững là những mô đá bị sóng gió bào mòn, phẳng lì, nối nhau nhào ra phía biển. Đứng trên



Hình 7.7. Hang Câu (Lý Sơn)

gành đá ven bờ, có thể nhìn thấy rất nhiều loài tảo biển bám vào các rạn san hô chuyển động ngả nghiêng, khoe sắc màu trong làn nước. Lưng chừng giữa vách núi, từng đàn chim làm tổ trên vòm đá kéo nhau bay lượn ra phía biển. Mùa đông mưa bão, Hang Câu chìm trong cuộn cuộn sóng vỗ vào vách đá. Những ngày hè, Hang Câu tìm lại phong thái thanh thản, sóng ru nhè nhẹ, gió nồm thổi rười rượi từ phía đông nam. Ánh nắng chiếu qua vách núi làm lộ rõ ngắn thời gian trải qua mấy mươi triệu năm kiến tạo, thiên nhiên nơi đây còn giữ được vẻ hoang sơ, chưa có nhiều tác động của con người. Bản thân mỗi người con Quảng Ngãi đều nên cố gắng bảo vệ vẻ đẹp hiếm có mà tạo hoá đã ưu ái dành tặng Hang Câu.



1. Nếu được chọn một thắng cảnh thiên nhiên của tỉnh để giới thiệu với khách du lịch, em sẽ chọn thắng cảnh nào? Em sẽ giới thiệu những gì với khách du lịch?
2. Những việc cần làm mà em biết để gìn giữ và phát huy danh lam thắng cảnh.



LUYỆN TẬP

Trao đổi về việc gìn giữ và phát huy danh lam thắng cảnh qua một số ảnh minh hoạ sau:



Hình 7.8. Núi Thiên Ấn



Hình 7.9. Cổ Lũy cô thôn



Hình 7.10. Núi Thới Lới, huyện Lý Sơn



Hình 7.11. Bãi biển Mỹ Khê



1. Hãy tìm hiểu các danh lam thắng cảnh ở các bức ảnh trên, nêu những hành động cần làm để gìn giữ và phát huy các danh lam thắng cảnh này.
2. Viết một đoạn văn ngắn về ý thức và thái độ của em đối với việc gìn giữ danh lam thắng cảnh nơi em sinh sống hoặc các địa phương khác của tỉnh Quảng Ngãi.



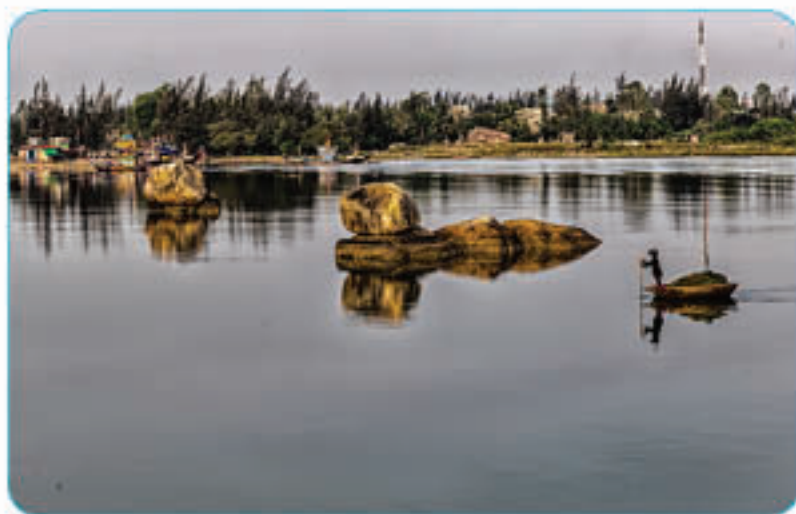
VẬN DỤNG

1. Kể về một việc làm của bản thân để gìn giữ và phát huy danh lam thắng cảnh ở địa phương em sinh sống.



Hình 7.12. Dọn rác ở bãi biển

2. Khi đến tham quan, chúng ta cần làm gì để gìn giữ các danh lam thắng cảnh và bảo vệ cảnh quan môi trường?



Hình 7.13. Đá Chông trên sông Trà Bồng

3. Em đã làm gì để tuyên truyền cho bạn bè, người thân và cộng đồng về việc gìn giữ và phát huy danh lam thắng cảnh?

Thực tiễn

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Nêu được vai trò của môi trường tự nhiên đối với con người.
- Có ý thức và thái độ ứng xử phù hợp với môi trường tự nhiên tại địa phương mình sinh sống.
- Tuyên truyền cho bạn bè, gia đình và cộng đồng cùng tham gia bảo vệ môi trường tự nhiên nói riêng, môi trường sống nói chung.



MỞ ĐẦU

Là một tỉnh ven biển miền Trung, Quảng Ngãi nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa; có biển đảo, đồng bằng, trung du, miền núi và hệ thống sông suối phong phú nên môi trường tự nhiên cũng rất phong phú và đa dạng. Đây vừa là môi trường sống của cộng đồng dân cư, vừa là tiềm năng cho sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh. Vì vậy, chúng ta cần quan tâm, bảo vệ môi trường sống nói chung, môi trường tự nhiên nói riêng.



Hình 8.1. San hô ở Gành Yến, Bình Sơn



Hình 8.2. Thảo nguyên Bùi Hui, Ba Tơ



Hình 8.3. Ruộng bậc thang ở Sơn Tây



Sưu tầm tranh, ảnh về rừng núi, biển đảo, sông hồ,... ở nơi em sống.

1. Môi trường tự nhiên

Môi trường tự nhiên bao gồm các thành phần: địa hình, địa chất, đất, nước, không khí, sinh vật,... giúp con người có thể tồn tại. Riêng môi trường tự nhiên của Quảng Ngãi nổi bật ở các yếu tố: biển đảo, sông suối, rừng núi,... Đây là những lĩnh vực môi trường tác động mạnh mẽ nhất đến đời sống và sinh hoạt của cư dân Quảng Ngãi.

– Về biển đảo: Quảng Ngãi có đường bờ biển dài khoảng 130 km, lãnh hải rộng khoảng 11 000 km², có nhiều bãi biển đẹp như: Mỹ Khê, Sa Huỳnh,...; có vịnh Dung Quất, Vũng Nho, Vũng Tàu; các cửa biển nổi tiếng: Sa Cần, Sa Kỳ (Bình Sơn), Sa Huỳnh (Đức Phổ); có đảo Lý Sơn; có hệ sinh thái biển tương đối đa dạng,... Tất cả đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển du lịch và các nghề kinh tế biển.



Hình 8.6. Rong mơ ở dọc bờ biển huyện Bình Sơn trở thành nguồn sống của người dân vùng biển



Hình 8.4. Tàu thuyền neo đậu ở cảng biển Dung Quất



Hình 8.5. Du khách trải nghiệm chèo thúng bắt cá vùng biển ven bờ trên biển Lệ Thủy, Bình Sơn



Hình 8.7. Người dân đi bắt cá đồng trên sông

– Về sông suối: ngoài các con sông lớn (Trà Bồng, Trà Khúc, Trà Câu, Sông Vệ) với lưu vực tương đối rộng tạo nên những cánh đồng màu mỡ phía hạ lưu, Quảng Ngãi còn có một hệ thống sông suối nhỏ ở nhiều địa phương trong tỉnh. Hệ thống sông suối đã đem lại nguồn nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và khai thác thủy điện.



Hình 8.8. Cánh đồng lúa vàng ở Đức Phong, Mộ Đức

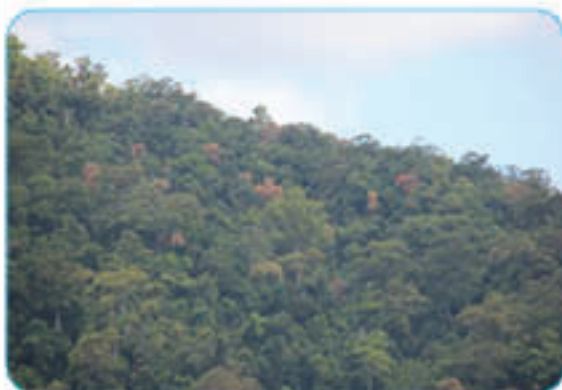


Hình 8.9. Đập dâng tại nhà máy thủy điện Đăkđrinh, Sơn Tây

– Về rừng núi: hiện nay, toàn tỉnh Quảng Ngãi có trên 334 000 ha rừng, chiếm hơn 52% diện tích chung của toàn tỉnh. Đất rừng tự nhiên trải dài phần lớn ở các huyện miền núi: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng,... Đất rừng phòng hộ ở những vùng đầu nguồn các huyện miền núi và ở khu vực ven biển các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, thị xã Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi. Nhìn chung, rừng Quảng Ngãi rất đa dạng về mặt sinh thái, góp phần phát triển kinh tế – xã hội, mang lại nhiều lợi ích cho đời sống nhân dân.



Hình 8.10. Ruộng bậc thang bên sông Rìn, Sơn Hà



Hình 8.11. Rừng uoi ở Sơn Tây



Hình 8.12. Đồi sim trên thảo nguyên Bùi Hui, Ba Tơ

2. Bảo vệ môi trường tự nhiên ở Quảng Ngãi

Bảo vệ môi trường tự nhiên chính là bảo vệ sự sống nói chung và bảo vệ sự phát triển lâu dài của con người nói riêng. Con người cần có những hành động thiết thực để bảo vệ, gìn giữ môi trường tự nhiên như:

- Sự phát triển kinh tế – xã hội phải đảm bảo cân bằng với việc bảo vệ môi trường.
- Ngăn chặn nạn phá rừng; trồng rừng phủ xanh đồi trọc.
- Tăng cường trồng rừng ven biển và rừng ngập mặn.
- Hạn chế sử dụng bao nylon và các sản phẩm từ nhựa.
- Tăng cường sử dụng sản phẩm tái chế, sản phẩm từ vật liệu thân thiện với môi trường.
- Xử lý nước thải và rác thải đúng quy định.
- Không khai thác các nguồn lợi sinh vật ở biển mang tính chất huỷ diệt.
- Không khai thác quá mức lượng nước ngầm ở huyện đảo Lý Sơn.

Một số phong trào, việc làm bảo vệ môi trường tự nhiên tại Quảng Ngãi:

- Dự án cộng đồng “Tủi tể với Sa Càn”, “Tủi tể với sông Trà Bồng”.
- Phong trào thanh niên tình nguyện vì môi trường.
- Hưởng ứng ngày môi trường thế giới.
- Ngày Chủ nhật xanh, ngày thứ Bảy tình nguyện.
- Bảo vệ dòng sông quê hương, bảo vệ môi trường ở ven biển.



Hình 8.13. Sử dụng túi vải thay thế bao nylon trong mô hình “Chợ dân sinh giảm thiểu rác thải nhựa” tại Chợ Hôm, Bình Dương, Bình Sơn



Hình 8.14. Một góc rừng phòng hộ ở huyện Ba Tư



Hình 8.15. Mô hình “Trồng cây xanh trên rác thải nhựa”



Hình 8.16. Xanh hoá rừng ngập mặn Bàu Cá Cái, Bình Sơn



Hình 8.17. Hưởng ứng ngày Chủ nhật xanh và ngày môi trường thế giới của đoàn viên thanh niên



Hình 8.18. Vẽ tranh tuyên truyền bảo vệ môi trường biển ở Định Tân, Bình Châu, Bình Sơn



Em hãy trình bày những hành động của con người tác động đến môi trường tự nhiên hiện nay.



LUYỆN TẬP

Quan sát các hình sau và cho biết chúng ta cần làm gì để bảo vệ môi trường tự nhiên.



Hình 8.19. Trồng rừng phủ xanh đồi trọc ở các huyện miền núi Quảng Ngãi



Hình 8.20. Một vạt rừng phòng hộ đầu nguồn bị tàn phá



Hình 8.21. Rác thải gây ô nhiễm môi trường



Hình 8.22. Người dân dọn rác ở bãi biển Sa Cần, Bình Sơn



VẬN DỤNG

1. Kể lại một hoạt động dọn vệ sinh hoặc trồng cây mà em đã tham gia.
2. Em đã làm gì để tuyên truyền cho bạn bè, người thân và cộng đồng cùng tham gia bảo vệ môi trường tự nhiên?

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: VÕ THỊ LỘC
Biên tập tái bản: VÕ NGỌC HIẾN

Thiết kế sách và trình bày bìa: MINH HUYỀN

Ảnh bìa: NGUYỄN TẤN PHÁT

Chế bản: ĐÀO HÀ

Sửa bản in: VÕ NGỌC HIẾN

Trong sách có sử dụng các lược đồ của Ths. Lê Ngọc Hành và một số hình ảnh đã được cho phép sử dụng của các nhiếp ảnh gia:

Lê Minh Thế, Nguyễn Đăng Lâm, Đoàn Ngọc Khôi, Phạm Ngọc Đường, Trịnh Nhân Hiếu, Nguyễn Đức Minh, Đỗ Đình Anh, Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Hữu Thư, Nguyễn Tấn Khâm, Đoàn Vương Quốc, Đàm Văn Thảo, Huỳnh Chí Cường.

Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn.

Bản quyền thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
giữ quyền công bố tác phẩm.

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI LỚP 6

Mã số: G0PC6Q002d22-ĐTĐ

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:

Địa chỉ in:

Số ĐKXB:

Số QĐXB:/QĐ-GD-ĐN ngày ... tháng ... năm 2022.

Mã số ISBN:

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2022.